

Số: 940/QĐ-UBND

Kiên Hải, ngày 22 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy định quản lý quy hoạch theo đồ án Điều chỉnh
quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã An Sơn,
huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN HẢI

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung
một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của
Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 72/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2021 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày
07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị
và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết
một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ
Xây dựng quy định về hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy
hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức
năng và quy hoạch nông thôn;*

*Căn cứ Quyết định số 917/QĐ-UBND ngày 13 tháng 9 năm 2023 của Ủy
ban nhân dân huyện Kiên Hải về việc phê duyệt Nhiệm vụ Điều chỉnh Quy
hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã An Sơn, huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên
Giang;*

*Theo đề nghị của Phòng Kinh tế hạ tầng - Tài nguyên và Môi trường
huyện Kiên Hải tại Tờ trình số 158/TTr-KTHT-TN&MT ngày 22 tháng 9 năm
2023.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy định quản lý quy hoạch theo đồ án Điều chỉnh quy
hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã An Sơn, huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên
Giang (tài liệu kèm theo Quyết định này là thuyết minh Quy định quản lý quy
hoạch theo đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã An
Sơn, huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang).

Điều 2. Chánh Văn phòng HĐND-UBND huyện, Phòng Kinh tế hạ tầng - Tài nguyên và Môi trường huyện Kiên Hải, Ủy ban nhân dân xã An Sơn và các đơn vị và tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- CT và các PCT. UBND huyện;
- Lưu: VT, KTHT-TN&MT.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Quốc Tuấn

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN HẢI

**QUY ĐỊNH QUẢN LÝ XÂY DỰNG THEO
ĐỒ ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG NÔNG THÔN
MỚI XÃ AN SƠN, HUYỆN KIÊN HẢI, TỈNH KIÊN GIANG**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 940/QĐ-UBND, ngày 22 tháng 9 năm 2023
của UBND huyện Kiên Hải)

Năm 2023

**QUY ĐỊNH QUẢN LÝ XÂY DỰNG THEO
ĐỒ ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG NÔNG THÔN
MỚI XÃ AN SƠN, HUYỆN KIÊN HẢI, TỈNH KIÊN GIANG**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 940/QĐ-UBND, ngày 22 tháng 9 năm 2023
của UBND huyện Kiên Hải)

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng:

1. Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã An Sơn, huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang quy định việc sử dụng đất đai, cải tạo xây dựng, bảo tồn, tôn tạo và khai thác sử dụng các công trình trong ranh giới lập quy hoạch chung xây dựng xã An Sơn đã được phê duyệt tại Quyết định số 917/QĐ-UBND ngày 13 tháng 9 năm 2023 của UBND huyện Kiên Hải.

2. Căn cứ vào hồ sơ Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã An Sơn, huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang, được duyệt và các quy định tại bản Điều lệ này, các cơ quan quản lý quy hoạch và xây dựng có liên quan theo quyền hạn, trách nhiệm được giao, giới thiệu địa điểm, cấp chứng chỉ quy hoạch, hướng dẫn việc triển khai các dự án đầu tư, thỏa thuận các giải pháp kiến trúc, quy hoạch cho các công trình cải tạo xây dựng trong xã An Sơn theo đúng quy hoạch và pháp luật.

Điều 2. Phân vùng quản lý quy hoạch:

1. Ranh giới lập quy hoạch:

- + Phía Đông: giáp vùng biển xã Nam Du, xã Lại Sơn, xã Hòn Tre, vịnh Rạch Giá
- + Phía Tây: giáp vịnh Thái Lan;
- + Phía Nam: giáp vùng biển huyện An Minh.
- + Phía Bắc: giáp vùng biển huyện Kiên Lương và thành phố Phú Quốc.

2. Quy mô, diện tích các khu chức năng trong vùng quy hoạch:

*Phạm vi, ranh giới lập điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng NTM xã An Sơn, huyện Kiên Hải bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên của xã với 4 ấp: (ấp Cù Tron, ấp An Cư, ấp Bãi Ngự) và vùng không gian mặt nước biển ven bờ.

Xã An Sơn bao gồm 11 đảo lớn nhỏ nằm trong địa giới hành chính của xã với tổng diện tích 708,61 ha. Chi tiết các Hòn như sau:

- + Hòn Lớn: 546,65 ha

- + Hòn Mốc: 22,77 ha
- + Hòn Nhân: 1,26 ha
- + Hòn Tre Cửa (Hòn Gian): 22,69 ha
- + Hòn Dâm: 5,96 ha
- + Hòn Ông: 54,68 ha
- + Hòn Hàng: 14,49 ha
- + Hòn Nôm Trong: 14,58 ha
- + Hòn Nôm Giữa: 13,73 ha
- + Hòn Nôm Ngoài: 11,79 ha
- + Hòn Khô: 0,01 ha.

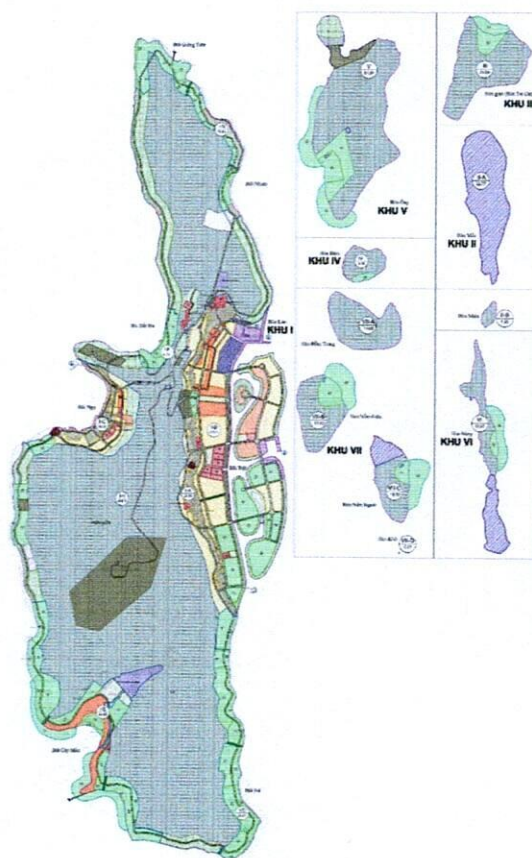
*Tổng quy mô lập quy hoạch đến năm 2040 khoảng 823,26 ha. Trong đó:

- Phần đảo nổi (hiện hữu) :
khoảng 708,61 ha
- Phần mở rộng không gian biển :
khoảng 114,65 ha (sử dụng quỹ đất này để khai thác tối đa lợi thế vùng biển, để phát triển thêm diện tích đất xây dựng cho xã đảo).

Theo đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã bao gồm diện tích các loại đất theo bảng sau:

Bảng: Chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 và 2040

STT	LOẠI ĐẤT	GIAI ĐOẠN đến 2030		GIAI ĐOẠN đến 2040	
		DIỆN TÍCH (HA)	TỶ LỆ (%)	DIỆN TÍCH (ha)	TỶ LỆ (%)
A	ĐẤT XÂY DỰNG	238,38		329,41	
I	ĐẤT KHU DÂN CƯ	89,20	100%	131,22	100%
1	Đất ở	36,91	41,38%	54,46	41,51%
	- Đất ở hiện trạng (thôn xóm)	16,88		16,76	
	- Đất ở mới	20,02		37,71	
2	Đất xây dựng chức năng thương mại dịch vụ, hỗn hợp	10,32	11,58%	16,25	12,38%
3	Đất công cộng	4,79	5,37%	5,65	4,31%
	- Đất dịch vụ công cộng (chợ, siêu thị, trung tâm thương mại)	0,71		1,00	
	- Đất văn hóa	0,67		0,67	
	- Đất y tế	0,51		0,51	
	- Đất giáo dục	2,09		2,66	
	- Đất xây dựng cơ quan,	0,81		0,81	
4	Đất cây xanh	6,04	6,77%	15,03	15,03%
	- Đất cây xanh, thể dục thể thao	2,44		4,32	



+ Hòn Mỏ: 22,77 ha
 + Hòn Nhàn: 1,26 ha
 + Hòn Tr. Cầm (Hòn Giàn): 22,69 ha
 + Hòn Dầm: 2,96 ha
 + Hòn Ông: 24,68 ha
 + Hòn Hạng: 14,49 ha
 + Hòn Nôm Trông: 14,32 ha
 + Hòn Nôm Giết: 13,73 ha
 + Hòn Nôm Ngồi: 11,79 ha
 + Hòn Kê: 0,01 ha

* Tổng quy mô tập quy hoạch đến năm 2040 khoảng 827,26 ha. Trong đó:

- Phần đảo nổi (hiện hữu):
 khoảng 708,61 ha
 - Phần mặt nước không gian biển:
 khoảng 114,65 ha (sử dụng quy định
 của đề khai thác nổi du lịch biển
 biển để phát triển thêm diện tích đất
 xây dựng cho xã đảo)

Theo đó án Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã bao gồm diện tích các loại

đất như bảng sau:

Bảng: Chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 và 2040

STT	LOẠI ĐẤT	GIẢI ĐOẠN đến 2030		GIẢI ĐOẠN đến 2040	
		TỶ LỆ (%)	DIỆN TÍCH (ha)	TỶ LỆ (%)	DIỆN TÍCH (ha)
A	ĐẤT XÂY DỰNG		232,38		252,41
1	ĐẤT KINH DÂN DỤNG		89,10	100%	131,22
1	Đất ở	41,32%	36,91	64,66	41,61%
	- Đất ở hiện hữu (diện tích)		18,23	10,76	
	- Đất ở mới		20,67	32,71	
2	Đất xây dựng chức năng thương mại dịch vụ	10,32	10,32	16,22	12,38%
3	Đất công cộng	4,79	4,79	2,68	4,31%
	- Đất công cộng hiện hữu (diện tích)		0,11	0,01	
	- Đất công cộng mới		0,67	0,67	
	- Đất văn hóa		0,21	0,21	
	- Đất thể thao		0,00	0,00	
	- Đất giáo dục		0,21	0,21	
4	Đất cây xanh	6,04	6,04	12,62	12,03%
	- Đất cây xanh hiện hữu (diện tích)		2,44	4,32	

	- Đất cây xanh ven biển	3,60		10,72	
5	Đất giao thông	23,08	25,88%	30,66	30,66%
6	Đất hạ tầng kỹ thuật	8,05	9,03%	9,16	9,16%
	- Đất xử lý chất thải rắn	0,70		1,21	
	- Đất hạ tầng kỹ thuật khác (năng lượng, bưu chính, viễn thông, công trình đầu mối cấp điện, cấp nước, thoát nước)	7,36		7,95	
II	ĐẤT NGOÀI KHU DÂN CƯ	149,18		198,19	
1	Đất xây dựng các chức năng khác	43,72		122,62	
	- Đất du lịch (khách sạn, resort...)	27,79		65,76	
	- Đất hỗn hợp và dịch vụ du lịch, bãi tắm	15,92		29,31	
	- Đất du lịch (thuê mặt biển)	-		27,56	
2	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất	3,16		4,63	
3	Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề	34,57		34,57	
4	Đất tôn giáo, danh lam di tích, đình đền	0,57		0,57	
5	Đất quốc phòng, an ninh	33,09		33,09	
6	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	2,72		2,72	
7	Đất dự trữ phát triển	31,36		-	
B	ĐẤT NÔNG NGHIỆP	513,10		492,35	
1	Đất trồng trọt khác (cây lâu năm)	51,39		40,32	
2	Đất rừng phòng hộ	461,71		452,03	
C	ĐẤT KHÁC	1,09		1,50	
1	Đất kênh rạch, mặt nước chuyên dụng	1,09		1,50	
TỔNG		752,57		823,26	

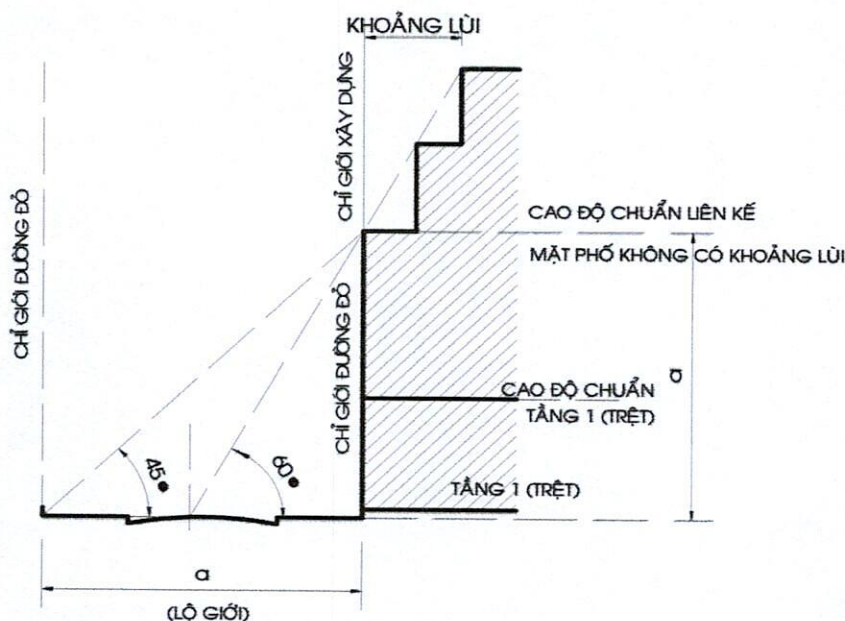
CHƯƠNG II: QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1. Quản lý theo Quyết định phê duyệt quy hoạch chung xây dựng xã

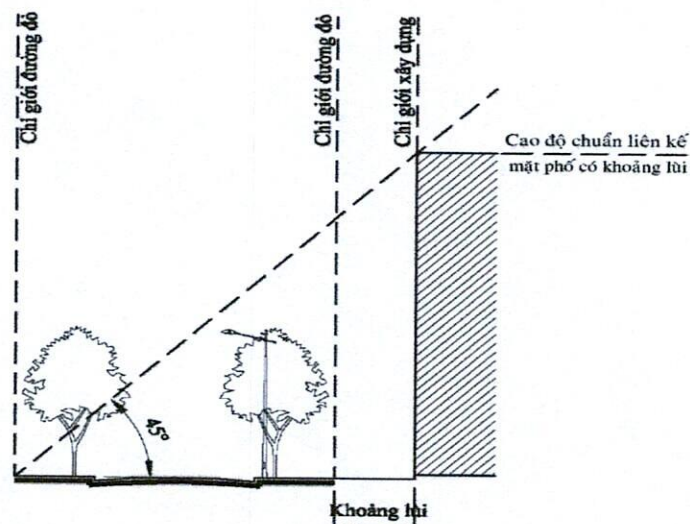
Điều 3. Khu vực nhà ở dân cư:

- Khu vực cải tạo:

+ Chiều cao tối đa: được xác định như sau



Hình minh họa chỉ giới xây dựng trùng với chỉ giới đường đỏ và cách xác định chiều cao tối đa của công trình.



Hình minh họa chỉ giới xây dựng lùi sau chỉ giới đường đỏ và cách xác định chiều cao tối đa của công trình.

+ Diện tích ô đất: Đối với khu vực dân cư hiện hữu có nhà ở liên kế với hình thức lô đất phức tạp (như các lô đất zích zắc, có diện tích nhỏ, sắp xếp lộn xộn, kiến trúc bên trên thấp tầng,...) cần được xem xét kỹ trong các trường hợp: Điều chỉnh đồ án quy

CHƯƠNG II: QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1. Quy định chung về quy hoạch xây dựng và

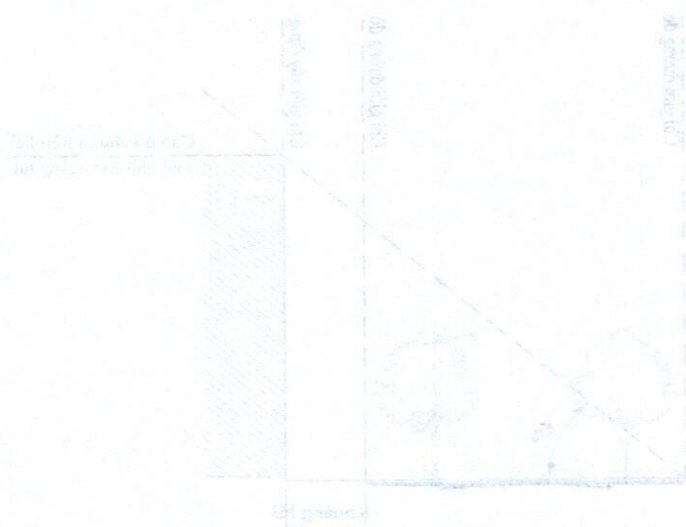
Điểm 1. Khu vực ảnh hưởng:

- Khu vực ảnh hưởng:

+ Chiều cao tối đa được xác định như sau:



Hình minh họa chi tiết quy định về chiều cao tối đa và chiều cao tối thiểu của công trình.



Hình minh họa chi tiết quy định về chiều cao tối đa và chiều cao tối thiểu của công trình.

+ Diện tích ảnh hưởng: Diện tích ảnh hưởng của công trình được xác định theo quy định của pháp luật về quy hoạch và xây dựng. Diện tích ảnh hưởng của công trình được xác định theo quy định của pháp luật về quy hoạch và xây dựng.

hoạch chung; Dựa vào điều kiện thực tế mà phân tích cụ thể để xây dựng cải tạo triệt để theo đồ án quy hoạch chi tiết hoặc xây dựng cải tạo chỉnh trang khu vực theo đồ án quy hoạch chi tiết. Hạn chế chia các lô đất có diện tích và chiều rộng, chiều sâu quá nhỏ.

- Khu vực xây mới: Quy định về tầng cao, mật độ xây dựng, chiều cao công trình, chỉ giới xây dựng,...

+ Tầng cao: tối đa 05 tầng.

+ Mật độ xây dựng: theo QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

Diện tích lô đất (m ² / căn nhà)	≤ 90	100	200	300	500	≥1000
Mật độ xây dựng tối đa (%)	100	90	70	60	50	40

+ Chỉ giới xây dựng được quy định theo các trục đường của đồ án điều chỉnh quy hoạch chung được phê duyệt.

Điều 4. Khu vực xây dựng công trình công cộng:

1. Công trình trường học:

+ Mật độ xây dựng ≤ 40%.

+ Chiều cao tầng ≤ 05 tầng.

+ Hệ số sử dụng đất 2 lần.

2. Công trình y tế: (Trạm y tế, phòng khám)

+ Mật độ xây dựng ≤ 40%.

+ Chiều cao tầng ≤ 05 tầng.

+ Hệ số sử dụng đất 2 lần.

3. Công trình trụ sở UBND xã:

+ Mật độ xây dựng ≤ 40%.

+ Chiều cao tầng ≤ 05 tầng.

+ Hệ số sử dụng đất 2 lần.

4. Công trình Chợ xã:

+ Mật độ xây dựng ≤ 40%.

+ Chiều cao tầng ≤ 05 tầng.

+ Hệ số sử dụng đất 2 lần.

5. Công trình thương mại dịch vụ, hỗn hợp: (văn phòng, tài chính – ngân hàng, nhà ở trung tầng kết hợp thương mại...)

+ Mật độ xây dựng ≤ 60%.

+ Mặt độ xây dựng $\leq 60\%$

ở trung tâm kết hợp thương mại...

2. Công trình thương mại dịch vụ hỗn hợp (văn phòng, tài chính - ngân hàng, nhà

+ Hệ số sử dụng đất 2 lần.

+ Chiều cao tầng ≤ 05 tầng.

+ Mặt độ xây dựng $\leq 40\%$

4. Công trình Chờ xe:

+ Hệ số sử dụng đất 2 lần.

+ Chiều cao tầng ≤ 05 tầng.

+ Mặt độ xây dựng $\leq 40\%$

3. Công trình tự sử dụng UBND xã:

+ Hệ số sử dụng đất 2 lần.

+ Chiều cao tầng ≤ 05 tầng.

+ Mặt độ xây dựng $\leq 40\%$

2. Công trình y tế (Trạm y tế phòng khám)

+ Hệ số sử dụng đất 2 lần.

+ Chiều cao tầng ≤ 05 tầng.

+ Mặt độ xây dựng $\leq 40\%$

1. Công trình trường học:

Điều 4. Khu vực xây dựng công trình công cộng:

học sinh được tiếp cận.

+ Các ngôi nhà được quy định theo các trục đường của đô thị chính quy

Mật độ xây dựng tối đa (%)	100	90	70	60	50	≤ 1000
Diện tích lô đất (m ² căn nhà)	≤ 90	100	200	300	500	≥ 1000

quy hoạch xây dựng.

+ Mặt độ xây dựng: theo QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về

+ Tầng cao: tối đa 05 tầng.

Chỉ giới xây dựng...

- Khu vực xây mới: Quy định về tầng cao nội độ xây dựng, chiều sâu công trình.

học sinh tiếp cận các nhà ở để tiếp cận và chuyển nhượng, chuyển nhượng nhà.

theo đó là quy hoạch chi tiết hoặc xây dựng các trục chính trong khu vực theo đó là quy

học sinh. Dự án đầu tư kiến trúc là một phần tích tụ các yếu tố xây dựng các trục chính.

- + Chiều cao tầng ≤ 7 tầng.
- + Hệ số sử dụng đất 4,2 lần.

6. Công trình Nhà văn hóa, TDTT:

- + Mật độ xây dựng $\leq 40\%$.
- + Chiều cao tầng ≤ 05 tầng.
- + Hệ số sử dụng đất 2 lần.

7. Công trình Bưu điện xã:

- + Mật độ xây dựng $\leq 40\%$.
- + Chiều cao tầng ≤ 05 tầng.
- + Hệ số sử dụng đất 2 lần.

8. Công trình công viên cây xanh:

- + Mật độ xây dựng $\leq 5\%$.
- + Chiều cao tầng ≤ 02 tầng.
- + Hệ số sử dụng đất 0,1 lần.

Điều 5. Đất sản xuất:

1. Đất nông nghiệp, ngư nghiệp:

- Cần có kế hoạch kiểm soát phát triển các vùng nuôi trồng thủy sản, vùng chăn nuôi gia súc, gia cầm. Có kế hoạch phòng ngừa dịch bệnh, ứng phó với biến đổi khí hậu nước biển dâng và bão lũ.

- Hạn chế chuyển nhượng đầu cơ trục lợi và không được sử dụng sai mục đích.

2. Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề:

- Đất xây dựng khu công nghiệp phải được quy hoạch phù hợp với tiềm năng phát triển công nghiệp, phát triển kinh tế - xã hội và các chiến lược phát triển có liên quan của từng địa phương;

- Khu, cụm công nghiệp (nếu có): Cần được quy hoạch phân khu hoặc quy hoạch chi tiết.

3. Khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn:

- Đất xây dựng khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn phải được quy hoạch phù hợp với tiềm năng phát triển nông nghiệp của địa phương nhằm nâng cao sản lượng và chất lượng của nông sản, tạo động lực để phát triển kinh tế nông thôn trên địa bàn xã.

Điều 6. Đất cây xanh:

Điểm 6. Bãi cây xanh:

địa bàn xã

sản lượng và chất lượng của nông sản, tạo động lực để phát triển kinh tế nông thôn
cơ sở hoặc phù hợp với tiềm năng nhất của nông nghiệp của địa phương nhằm nâng cao
Đất xây dựng kho chứa nông sản và kho phân phối kinh tế nông thôn phải được

7. Khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn:

chỉ tiêu

Khu chức năng dịch vụ (mua bán) cần được quy hoạch phân khu hoặc quy hoạch

trong địa phương:

trên công nghiệp, phát triển kinh tế - xã hội và các chiến lược phát triển có liên quan của
Đất xây dựng khu công nghiệp phải được quy hoạch phù hợp với tiềm năng phát

1. Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề:

- Hiện chế chuyên nhượng đất cơ sở tại và không được sử dụng kết hợp khác.

nước biển dâng và bão lũ.

nước gia súc, gia cầm. Có thể hoạch định quy hoạch phân khu với biên giới kinh nông
- Cần có kế hoạch kiểm soát phát triển các vùng nuôi trồng thủy sản, vùng chăn

1. Đất nông nghiệp quy hoạch:

Điểm 5. Bãi sản xuất:

+ Hệ số sử dụng đất 0,1 lần.

+ Chiều cao tầng ≤ 0,2 tầng.

+ Mật độ xây dựng ≤ 5%.

8. Công trình công viên cây xanh:

+ Hệ số sử dụng đất 2 lần.

+ Chiều cao tầng ≤ 0,2 tầng.

+ Mật độ xây dựng ≤ 10%.

A. Công trình Bùn điện xã:

+ Hệ số sử dụng đất 2 lần.

+ Chiều cao tầng ≤ 0,2 tầng.

+ Mật độ xây dựng ≤ 40%.

6. Công trình Nhà văn hóa TTXH:

+ Hệ số sử dụng đất 4,2 lần.

+ Chiều cao tầng ≤ 7 tầng.

- Định hướng phát triển: Dựa trên hiện trạng cây xanh khu vực trung tâm xã, tiến hành rà soát, xây dựng kế hoạch trồng cây xanh đường phố để cải tạo chỉnh trang khu vực hiện hữu, bổ sung cây xanh cho khu trung tâm, trồng cây xanh theo 02 bên đường chính và các tuyến đường giao thông liên ấp.

- Rà soát hiện trạng cây trồng, có kế hoạch chăm sóc, bảo quản hoặc đề xuất chặt hạ, dịch chuyển cây xanh theo quy định hiện hành.

- Đối với các khu có quy hoạch chi tiết, cây trồng mới phải tuân thủ quy hoạch chi tiết được duyệt. Cây trồng cho bóng mát nên chọn cây có tán rộng sống lâu năm, ít rụng lá và rễ ăn sâu trong đất để tránh ngã đổ khi có gió bão và cây cho hoa nên lựa cây cho hoa có màu sắc đẹp, không độc hại. Loại cây xanh trồng phải phù hợp với điều kiện địa phương và không nằm trong danh mục cây cấm trồng trong các đô thị thuộc địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Điều 7. Các khu vực bảo tồn, di tích, thắng cảnh, cấm xây dựng:

- Về cơ sở thờ tự: Dinh Ông Nam Hải, Miếu Bà Chúa Xứ, công trình mang tính lịch sử Đài Rada.

- Cần xác định hình thức bảo tồn, tôn tạo phù hợp với tính chất của từng loại công trình bảo tồn, việc xây dựng, cải tạo công trình bảo tồn phải đảm bảo thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

- Bảo quản, tu bổ, phục hồi và sử dụng công trình bảo tồn theo hướng phân đầu đảm bảo các tiêu chí để được công nhận là di sản, di tích cấp tỉnh, cấp quốc gia.

- Trong quá trình quy hoạch và quản lý quy hoạch, kiến trúc, khu vực các công trình tôn giáo này cần được bảo tồn và nâng cấp về mặt không gian kiến trúc cảnh quan.

- Khu vực bảo vệ di tích (nếu có) phải thực hiện theo quy định của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa. Phòng Văn hóa và Thông tin huyện Kiên Hải có trách nhiệm hướng dẫn cho người dân trong xã hiểu và tuân thủ đúng quy định pháp luật.

- Quản lý chặt chẽ việc cải tạo và phát triển đô thị, xây dựng mới các công trình hạ tầng kỹ thuật và kiến trúc trong phạm vi xung quanh các hạng mục công trình bảo tồn. Việc xây dựng các công trình trong khu vực xung quanh công trình bảo tồn không được gây ảnh hưởng đối với công trình bảo tồn.

- Khu vực cấm xây dựng: Hành lang bảo vệ hệ thống hạ tầng kỹ thuật đường phố, hành lang an toàn đường bộ, hành lang bảo vệ luồng, đất mặt nước, công trình xây dựng,... không đúng mục đích sử dụng của khu đất theo quy hoạch.

Điều 8. Khu vực dự trữ, an ninh quốc phòng

- Tuân thủ quy hoạch chung được duyệt. Không xây dựng công trình trái với chức năng sử dụng đất trong khu dự trữ phát triển.

- Lập kế hoạch sử dụng đất theo các giai đoạn phát triển (ngắn hạn, trung hạn và dài hạn) và có phương án sử dụng đất hiệu quả trong thời gian chưa triển khai xây dựng

- Đối với khu vực dự trữ phát triển là những vùng đất nông nghiệp, khi chưa có nhu cầu sử dụng để xây dựng phát triển đô thị thì vẫn tiếp tục canh tác nông nghiệp.

- Tính hướng phát triển: Ở các nước trong cây xanh kim loại trong năm 20, tiến hành và sớm xây dựng kế hoạch trồng cây xanh đường phố để cải tạo chính trong khu vực hiện hữu, bố trí cây xanh các khu vực trung tâm, trung tâm cây xanh theo 02 bên đường chính và các trục đường giao thông liên lạc.

- Các loài hiện trong cây trồng: có kế hoạch chăm sóc, bảo quản hoặc đã xuất hiện hệ thực vật trong cây xanh theo quy định hiện hành.

- Với các loài cây xanh có quy hoạch chi tiết cây xanh theo phân khu quy hoạch chi tiết được duyệt (Cây trồng chi tiết mặt nền cây có tính năng sống lâu năm, ít rụng lá và có thân cứng để tránh ngã đổ khi có gió bão và cây có hoa nên lựa chọn cho hoa có màu sắc đẹp, không độc hại). Loại cây xanh trồng phải phù hợp với diện tích địa phương và không nên trồng các cây xâm lấn trong các đô thị thuộc địa bàn hành chính.

Điều 7. Các khu vực bảo vệ, di tích, công viên, cây xanh đường:

- Với các khu vực: Di tích Ông Nguyễn Huệ, Miếu Bà Chúa Xứ, công trình mang tính lịch sử Đại Việt.

- Các xác định tính chất bảo tồn: tôn tạo phù hợp với tính chất của từng loại công trình bảo tồn, việc xây dựng, cải tạo công trình bảo tồn phải tuân thủ theo quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

- Bảo quản, tu bổ, phục hồi và sử dụng công trình bảo tồn theo hướng phân cấp đảm bảo các tiêu chí được công nhận là di sản di tích cấp tỉnh, cấp quốc gia.

- Trong quá trình quy hoạch và quản lý quy hoạch, kiến trúc, kiến trúc công trình tôn giáo này cần có sự bảo tồn và nâng cấp / một không gian kiến trúc cảnh quan.

- Khu vực bảo vệ di tích (nếu có) phải thực hiện theo quy định của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa. Phòng Văn hóa và Thông tin huyện Kiên Hải có trách nhiệm hướng dẫn cho người dân trong xã hiện và tuân thủ đúng quy định pháp luật.

- Quản lý chất thải: việc cải tạo và phát triển đô thị xây dựng mới các công trình hạ tầng kỹ thuật và kiến trúc trong phạm vi xung quanh các hàng hóa công trình bảo tồn. Việc xây dựng các công trình trong khu vực xung quanh công trình bảo tồn không được gây ảnh hưởng đối với công trình bảo tồn.

- Khu vực cảnh quan xây dựng: Hoàn thành bảo vệ hệ thống hạ tầng kỹ thuật đường phố, cảnh quan và cảnh quan xây dựng bảo vệ cảnh quan đô thị nước, công trình xây dựng... không được ngăn cản sự phát triển của khu vực quy hoạch.

Điều 8. Khu vực di tích và cảnh quan quốc gia:

- Toàn thể quy hoạch chung được duyệt không xây dựng công trình mới với chức năng sử dụng khác trong khu vực này.

- Tập kế hoạch sử dụng đất theo các giai đoạn phát triển trong khu vực này và địa phương và có phương án sử dụng đất hiện tại trong nội gia đình nhà xây dựng.

- Đối với khu vực đất phát triển là nông nghiệp, lâm nghiệp, khu vực có nhà dân sử dụng để xây dựng phát triển đô thị thì vẫn tiếp tục canh tác nông nghiệp.

- Đất dự trữ phát triển thuộc sở hữu nhà nước có thể trồng cây xanh hoặc xây dựng các công trình tạm, cho thuê ngắn hạn, dễ dàng tháo dỡ khi cần thiết và được giao cho đơn vị quản lý cụ thể, có thể là chính quyền, các tổ chức hoặc cá nhân có đủ điều kiện.

- Công trình an ninh, quốc phòng được quản lý theo quy định riêng phù hợp quy hoạch được duyệt và đồng thời góp phần thẩm mỹ cho không gian kiến trúc cảnh quan của xã.

Điều 9. Các công trình hạ tầng kỹ thuật

1. **Giao thông:** Quy định về lộ giới, chiều rộng, kết cấu mặt đường của các tuyến đường trục xã, liên ấp, ngõ, xóm theo Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã An Sơn, huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang.

BẢNG TỔNG HỢP MẶT CẮT CÁC TUYẾN ĐƯỜNG

STT	TÊN ĐƯỜNG	CẤP ĐƯỜNG	MẶT CẮT	KHOẢNG LÙI TRÁI (m)	VỈA HÈ TRÁI (m)	MẶT ĐƯỜNG (m)	VỈA HÈ PHẢI (m)	KHOẢNG LÙI PHẢI (m)	DẢI PHÂN CÁCH (m)	VỊ TRÍ
1	D1	ĐƯỜNG PHỐ KHU VỰC	1-1	3	1	6	1	3	-	HÒN LỚN
			1A-1A	-	1	6	1	3	-	HÒN LỚN
			1B-1B	-	3	6	3	-	-	HÒN LỚN
			2-2	3	2	6	2	3	-	HÒN LỚN
2	D2	ĐƯỜNG PHỐ NỘI BỘ	1-1	3	1	6	1	3	-	HÒN LỚN
3	D3	ĐƯỜNG PHỐ KHU VỰC	5-5	3	1	4	1	3	-	HÒN LỚN
4	D4	ĐƯỜNG PHỐ NỘI BỘ	1B-1B	-	3	6	3	-	-	HÒN LỚN
5	D5	ĐƯỜNG PHỐ NỘI BỘ	1-1	3	1	6	1	3	-	HÒN LỚN
			1B-1B	-	3	6	3	-	-	HÒN LỚN
6	D6	ĐƯỜNG PHỐ NỘI BỘ	1B-1B	-	3	6	3	-	-	HÒN LỚN
7	D7	ĐƯỜNG PHỐ NỘI BỘ	1B-1B	-	3	6	3	-	-	HÒN LỚN
8	D8	ĐƯỜNG PHỐ NỘI BỘ	3-3	3	3	8	3	3	-	HÒN LỚN
9	D9	ĐƯỜNG PHỐ KHU VỰC	2B-2B	3	3	6	3	-	-	HÒN LỚN

- Từ đó kết quả được so sánh với mức độ phát triển của các khu vực khác.
 - Các kết quả được trình bày trong bảng sau đây.
 - Các kết quả được trình bày trong bảng sau đây.
 - Các kết quả được trình bày trong bảng sau đây.

Bảng 2. Các công trình đã xây dựng

Các công trình đã xây dựng theo các tiêu chí sau đây:
 - Các công trình đã xây dựng theo các tiêu chí sau đây.
 - Các công trình đã xây dựng theo các tiêu chí sau đây.

BẢNG TỔNG HỢP MẶT CÁT TUYẾN ĐƯỜNG

STT	Tên đường	Cấp đường	Mặt cắt	Khoảng lùi trái (m)	Via hè trái (m)	Mặt đường (m)	Via hè phải (m)	Khoảng lùi phải (m)	Dạng địa hình	Vị trí
1	D1	ĐƯỜNG PHỐ KHU VỰC	1-1	3	1	2	1	3	HỒN LỒN	HỒN LỒN
			1A-1A	1	1	0	1	3	HỒN LỒN	HỒN LỒN
			1B-1B	3	3	0	4	-	HỒN LỒN	HỒN LỒN
			2-2	3	3	0	3	3	HỒN LỒN	HỒN LỒN
2	D2	ĐƯỜNG PHỐ NỘI BỘ	1-1	3	1	0	1	3	HỒN LỒN	HỒN LỒN
3	D3	ĐƯỜNG PHỐ KHU VỰC	2-2	1	1	0	1	3	HỒN LỒN	HỒN LỒN
4	D4	ĐƯỜNG PHỐ NỘI BỘ	1B-1B	3	3	0	3	-	HỒN LỒN	HỒN LỒN
5	D5	ĐƯỜNG PHỐ NỘI BỘ	0-1	3	1	0	1	3	HỒN LỒN	HỒN LỒN
			1A-1A	3	3	0	3	-	HỒN LỒN	HỒN LỒN
6	D6	ĐƯỜNG PHỐ NỘI BỘ	1B-1B	3	3	0	3	-	HỒN LỒN	HỒN LỒN
7	D7	ĐƯỜNG PHỐ NỘI BỘ	1B-1B	3	3	0	3	-	HỒN LỒN	HỒN LỒN
8	D8	ĐƯỜNG PHỐ NỘI BỘ	3-3	3	3	0	3	3	HỒN LỒN	HỒN LỒN
9	D9	ĐƯỜNG PHỐ KHU VỰC	1A-1A	3	3	0	3	-	HỒN LỒN	HỒN LỒN

STT	TÊN ĐƯỜNG	CẤP ĐƯỜNG	MẶT CẮT	KHOẢNG LÙI TRÁI (m)	VÍA HÈ TRÁI (m)	MẶT ĐƯỜNG (m)	VÍA HÈ PHẢI (m)	KHOẢNG LÙI PHẢI (m)	DÀI PHÂN CÁCH (m)	VỊ TRÍ
			6-6	3	3	6+6	3	3	14	HÒN LỚN
10	D10	ĐƯỜNG PHỐ KHU VỰC	2A-2A	3	3	6	3	3	-	HÒN LỚN
			4-4	3	4	8	4	3	-	HÒN LỚN
11	D11	ĐƯỜNG PHỐ NỘI BỘ	2B-2B	3	3	6	3	-	-	HÒN LỚN
12	N1	ĐƯỜNG PHỐ NỘI BỘ	2A-2A	3	3	6	3	3	-	HÒN LỚN
13	N2	ĐƯỜNG PHỐ NỘI BỘ	2A-2A	3	3	6	3	3	-	HÒN LỚN
14	N3	ĐƯỜNG PHỐ NỘI BỘ	2A-2A	3	3	6	3	3	-	HÒN LỚN
15	N4	ĐƯỜNG PHỐ NỘI BỘ	2A-2A	3	3	6	3	3	-	HÒN LỚN
16	N5	ĐƯỜNG PHỐ NỘI BỘ	2A-2A	3	3	6	3	3	-	HÒN LỚN
			2B-2B	3	3	6	3	-	-	HÒN LỚN
			3-3	3	3	8	3	3	-	HÒN LỚN
17	N6	ĐƯỜNG PHỐ NỘI BỘ	2A-2A	3	3	6	3	3	-	HÒN LỚN

2. Cấp điện: Nguồn cấp, mạng lưới cấp.

- Nguồn cấp: Xã An Sơn hiện tại chưa có hệ thống lưới điện quốc gia, nguồn điện của xã chủ yếu được cung cấp từ máy phát điện hoạt động (24/24h).

- Mạng lưới cấp: Duy tu, cải tạo nâng cấp trạm hạ thế và các đường dây liên ấp trên địa bàn. Lắp đặt hệ thống chiếu sáng đường liên ấp, đường thôn xóm bằng bóng đèn sinh hoạt thông thường, nhằm nâng cao mức sống sinh hoạt và an ninh cho người dân.

- Dự kiến: Xây dựng mới tuyến trung thế 22kv đi nối từ xã Lại Sơn cho 2 xã đảo An Sơn và Nam Du trong tháng 6 năm 2023 theo thông báo số 99/TB-VPCP 2022 ngày 05/04/2022 của Văn phòng chính phủ về kết luận của thủ tướng chính phủ Phạm Minh Chính tại buổi làm việc với lãnh đạo xã Kiên Giang.

3. Cấp nước: Nguồn cấp, mạng lưới cấp.

- Nguồn cấp:

STT	TÊN ĐƯỜNG	CẤP ĐƯỜNG	MẶT CẮT	KHOẢNG LƯỚI TRÁI (m)	MẶT ĐƯỜNG (m)	VIA HẸ TRÁI (m)	VIA HẸ PHẢI (m)	KHOẢNG LƯỚI PHẢI (m)	ĐẠI NHÃN CÁCH (m)	VỊ TRÍ
			0-0	3	0-0	3	3	7	1-1	HỒN LỒN
10	D10	ĐƯỜNG PHỐ KHU VỰC	2A-2A	3	0	3	3	2		HỒN LỒN
			0-4	3	0	4	8	3		HỒN LỒN
11	D11	ĐƯỜNG PHỐ NỘI BỘ	2B-2B	3	0	3	0			HỒN LỒN
12	N1	ĐƯỜNG PHỐ NỘI BỘ	2A-2A	3	0	3	0	3		HỒN LỒN
13	N2	ĐƯỜNG PHỐ NỘI BỘ	2A-2A	3	0	3	0	3		HỒN LỒN
14	N3	ĐƯỜNG PHỐ NỘI BỘ	2A-2A	3	0	3	0	3		HỒN LỒN
15	N4	ĐƯỜNG PHỐ NỘI BỘ	2A-2A	3	0	3	0	3		HỒN LỒN
			2A-2A	3	0	3	0	3		HỒN LỒN
16	N5	ĐƯỜNG PHỐ NỘI BỘ	2B-2B	3	0	3	0			HỒN LỒN
			3-3	3	0	3	8	3		HỒN LỒN
17	N6	ĐƯỜNG PHỐ NỘI BỘ	2A-2A	3	0	3	0	3		HỒN LỒN

2. Cấp điện: Nguồn cấp mạng lưới cấp.

- Nguồn cấp: Xổ An Sơn hiện tại chưa có hệ thống lưới điện được gia, nguồn điện của xã chủ yếu được cung cấp từ máy phát điện hoạt động (24/24h).
- Mạng lưới cấp: Dự án cải tạo công cấp điện hạ thế và các đường dây liên hệ trên địa bàn. Lưới điện hệ thống chiếu sáng đường liên ấp, đường thôn xóm bằng bóng đèn sinh hoạt thông thường, nhằm nâng cao mức sống sinh hoạt và an ninh cho người dân.
- Dự kiến: Xây dựng mới trạm biến áp 22KV ở nội thị xã An Sơn chi 2 xã đảo An Sơn và 1 trạm 10KV tương ứng năm 2023 theo thông báo số 99/TB-VTCT 2022 ngày 02/04/2022 của Văn phòng chính phủ về kết luận của thủ tướng chính phủ Phạm Minh Chính tại buổi làm việc với lãnh đạo xã Kiên Giang.

3. Cấp nước: Nguồn cấp mạng lưới cấp.

- Nguồn cấp:

+ Các dự án nguồn nước xã An Sơn: Hồ nước Bãi Cây Mến 180.000 m³ (đang thi công), 2 trạm cấp nước tại Hòn Lớn – công suất 40 m³/trạm/ngày.đêm, 2 giếng khoan nước tại Hòn Lớn – công suất 40 m³/trạm/ngày.đêm.

- Mạng lưới cấp : Dựa vào mạng lưới quy hoạch giao thông, phân khu chức năng khu quy hoạch và vị trí đầu vào của tuyến ống cấp nước chính cho toàn khu quy hoạch. Thiết kế mạng lưới cấp nước cho khu xây dựng theo dạng mạng vòng, ngoài việc đảm bảo cấp nước cho khu dự án, Cột áp tại từng khu tối thiểu H=12m.

Thiết kế đường ống từ nhà máy 2.2000 (m³/ngày) để cấp cho khu vực lân cận.

4. Thoát nước mưa: Phương án thoát, mạng lưới thoát, vị trí cửa xả.

- Các công trình xây dựng cần phải xây dựng hệ thống thoát nước mưa để đảm bảo không bị ngập nước. Các khu vực xây dựng có quy hoạch chi tiết thì theo đồ án được duyệt.

- Có kế hoạch kiểm tra xây dựng và sửa chữa các trạm bơm, cửa xả của các cống, đập trong toàn xã theo định kỳ.

5. Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn, nghĩa trang toàn xã và vệ sinh môi trường:

- Các công trình xây dựng mới nên kiểm tra việc xây hầm tự hoại để đảm bảo về môi trường. Các khu vực đông dân cư cần được xây dựng hệ thống thoát nước thải sinh hoạt và bể xử lý để đảm bảo cho môi trường khu vực.

- Các chất thải rắn được tập trung theo khu vực được quy định và sẽ được thu gom về bãi rác tập trung và xử lý theo quy định.

- Về nghĩa trang:

Nghĩa trang xã An Sơn quy mô khoảng 2,7 ha đáp ứng nhu cầu cho cả hai xã An Sơn và Nam Du (quần đảo Nam Du). Trong đó đảm bảo các yêu cầu về sử dụng đất cũng như cảnh quan trong khu nghĩa trang, phù hợp với phong tục tập quán, văn hóa của địa phương;

Bảo đảm các yêu cầu nội dung cụ thể khi quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật theo QCVN 07-10:2016/BXD trong nghĩa trang như cơ sở hỏa táng, nhà tang lễ, hệ thống giao thông, hệ thống cấp nước, thoát nước, xử lý chất thải rắn và khí thải...

- Các dự án nguồn nước xã An Sơn, Hồ nước Bàu Mây (20.000 m³ hàng tháng), 2 trạm cấp nước tại thôn Lớn - công suất 40 m³/ngày đêm, 2 giếng khoan nước tại thôn Lớn - công suất 40 m³/ngày đêm.

- Mạng lưới cấp: Dẫn vào mạng lưới quy hoạch gần đường, phân khu chức năng khu quy hoạch và từ đầu vào của từng ống cấp nước chính cho toàn khu quy hoạch. Thiết kế mạng lưới cấp nước cho khu xây dựng theo dạng mạng vòng ngoài việc tính bảo cấp nước cho khu dự án. Cột áp tại từng khu từ 12-15m.

Thiết kế đường ống từ nhà máy 2.2000 (m³/ngày) về cấp cho khu vực lân cận.

4. Thiết kế nước mưa: Phương án thiết kế mạng lưới thoát và từ của xã.

- Các công trình xây dựng cần phải xây dựng hệ thống thoát nước để đảm bảo không bị ngập nước. Các khu vực xây dựng có quy hoạch chi tiết từ theo đã ăn được duyệt.

- Có kế hoạch kiểm tra xây dựng và sửa chữa các trạm bơm, cửa xả của các công trình trong toàn xã theo định kỳ.

5. Thiết kế nước thải, phân ly chất thải rắn, nghĩa trang toàn xã và vệ sinh môi trường:

- Các công trình xây dựng mới nên kiến tạo việc xây dựng và hoạt động đảm bảo vệ sinh nước uống. Các khu vực đông dân cư cần được xây dựng hệ thống thoát nước thải sinh hoạt và vệ sinh để xử lý để đảm bảo cho môi trường khu vực.

- Các chất thải rắn được tập trung theo khu vực được quy định và sẽ được thu gom và xử lý theo quy định.

- Về nghĩa trang:

Nghĩa trang xã An Sơn quy mô khoảng 2,7 ha đáp ứng nhu cầu cho cả hai xã An Sơn và Nam Tân (quận đảo Nam Du). Trong đó đảm bảo các yêu cầu về an ninh đất đai cũng như cảnh quan trong khu nghĩa trang, phù hợp với phong tục tập quán và hòa nhập địa phương.

Hòa nhập các yêu cầu nói chung và khu vực quy hoạch hệ thống kỹ thuật theo QCVN 07-10:2016/BXD trong nghĩa trang như sau: Hệ thống nhà tang lễ, hệ thống gia đình, hệ thống cấp nước, thoát nước xử lý chất thải rắn và khí thải.

Mục 2. Quản lý theo đặc điểm của từng địa phương, vùng miền

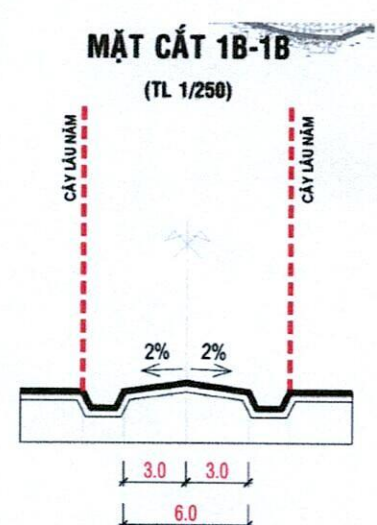
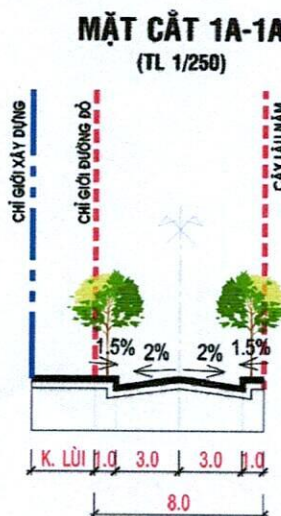
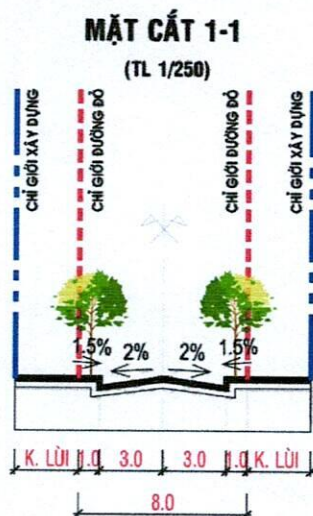
Điều 10. Nhà ở dân cư nông thôn:

- Về màu sắc, vật liệu công trình:
 - + Màu sắc: Phù hợp và hài hòa với màu sắc các công trình trong khu vực.
 - + Vật liệu: Khuyến khích sử dụng các vật liệu có sẵn của địa phương.
- Hình thức kiến trúc của từng loại nhà ở, công trình công cộng (tương ứng với từng vùng miền):
 - + Về nhà ở: Hình thức đơn giản không cầu kỳ mang tính hiện đại phù hợp với địa phương.
 - + Về công trình công cộng: Kiến trúc phải mang tính hiện đại, đơn giản và được thể hiện phù hợp theo từng thể loại công trình.
- Cảnh quan: Hàng rào, cổng, cây xanh:
 - + Hàng rào, cổng nên tránh xây dựng quá cao và hàng rào đặc che mất tầm nhìn quan sát và mỹ quan.
 - + Cây xanh trong khuôn viên nên lựa chọn cây trồng phù hợp với công trình và cảnh quan xung quanh.

Điều 11. Các công trình hạ tầng kỹ thuật:

1. Giao thông:

*Đường quanh đảo An Sơn: mặt cắt: 1-1, 1a-1a, 1b-1b, 2-2



- Chiều rộng mặt đường: 6,0m; lề đường 1-3m tùy theo vị trí.
- Kết cấu mặt đường: Đường bê tông xi măng hoặc nhựa hóa. Sạch và không lầy lội, giao thông thuận tiện, đảm bảo đi lại vào mùa mưa.

Biểu 2. Quan hệ theo đặc điểm của từng địa phương, vùng miền

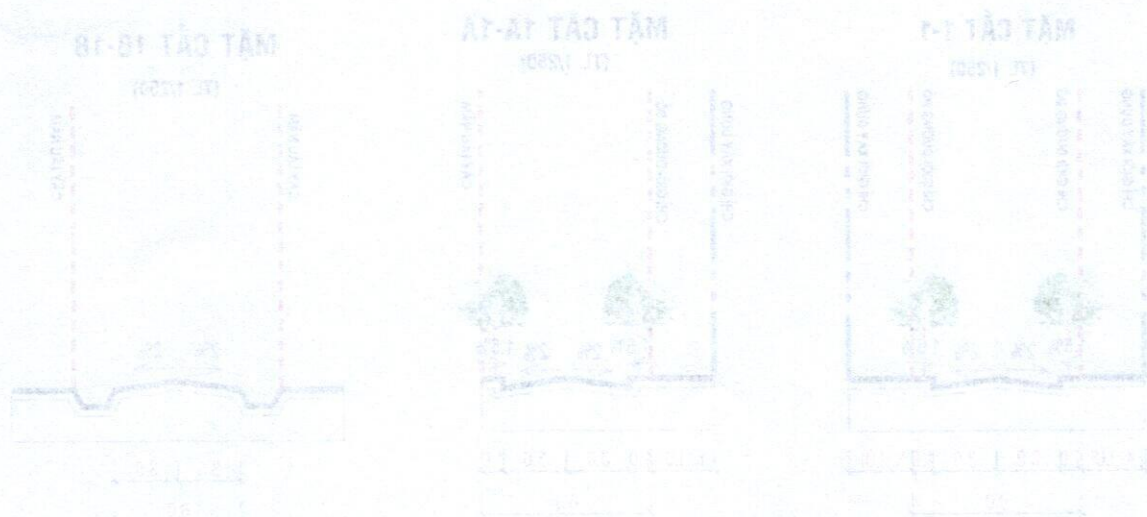
Biểu 10. Nhà ở dân cư nông thôn:

- Về màu sắc, vật liệu công trình:
- + Màu sắc: Phù hợp và hài hòa với màu sắc các công trình trong khu vực.
- + Vật liệu: Không nên kích thích sự dùng các vật liệu có sẵn của địa phương.
- Hình thức kiến trúc của từng loại nhà ở, công trình công cộng (tương ứng với từng vùng miền):
- + Về nhà ở: Hình thức đơn giản, không cầu kỳ, mang tính hiện đại phù hợp với địa phương.
- + Về công trình công cộng: Kiến trúc phải mang tính hiện đại, đơn giản và được thể hiện phù hợp theo từng loại công trình.
- Cảnh quan: Hàng rào, công cây xanh:
- + Hàng rào: công nên tránh xây dựng quá cao và hàng rào đặc che mắt tầm nhìn quan sát và mỹ quan.
- + Công xanh: trong khuôn viên nên lựa chọn cây trồng phù hợp với công trình và cảnh quan xung quanh.

Biểu 11. Các công trình hạ tầng kỹ thuật:

I. Giao thông:

Đường quanh dân cư Sơn, mặt cắt 1-1, 1a-1a, 1b-1b, 2-2

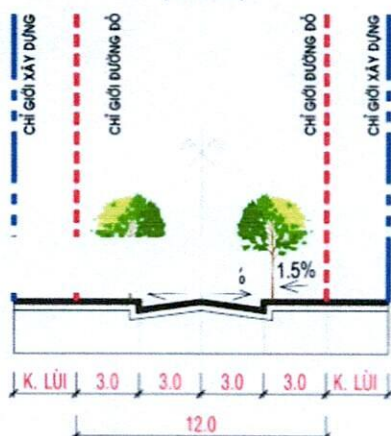


- Chiều rộng mặt đường: 0,5m; 1,0m; 1,5m; 2,0m; 2,5m; 3,0m; 3,5m; 4,0m; 4,5m; 5,0m; 5,5m; 6,0m; 6,5m; 7,0m; 7,5m; 8,0m; 8,5m; 9,0m; 9,5m; 10,0m; 10,5m; 11,0m; 11,5m; 12,0m; 12,5m; 13,0m; 13,5m; 14,0m; 14,5m; 15,0m; 15,5m; 16,0m; 16,5m; 17,0m; 17,5m; 18,0m; 18,5m; 19,0m; 19,5m; 20,0m; 20,5m; 21,0m; 21,5m; 22,0m; 22,5m; 23,0m; 23,5m; 24,0m; 24,5m; 25,0m; 25,5m; 26,0m; 26,5m; 27,0m; 27,5m; 28,0m; 28,5m; 29,0m; 29,5m; 30,0m; 30,5m; 31,0m; 31,5m; 32,0m; 32,5m; 33,0m; 33,5m; 34,0m; 34,5m; 35,0m; 35,5m; 36,0m; 36,5m; 37,0m; 37,5m; 38,0m; 38,5m; 39,0m; 39,5m; 40,0m; 40,5m; 41,0m; 41,5m; 42,0m; 42,5m; 43,0m; 43,5m; 44,0m; 44,5m; 45,0m; 45,5m; 46,0m; 46,5m; 47,0m; 47,5m; 48,0m; 48,5m; 49,0m; 49,5m; 50,0m; 50,5m; 51,0m; 51,5m; 52,0m; 52,5m; 53,0m; 53,5m; 54,0m; 54,5m; 55,0m; 55,5m; 56,0m; 56,5m; 57,0m; 57,5m; 58,0m; 58,5m; 59,0m; 59,5m; 60,0m; 60,5m; 61,0m; 61,5m; 62,0m; 62,5m; 63,0m; 63,5m; 64,0m; 64,5m; 65,0m; 65,5m; 66,0m; 66,5m; 67,0m; 67,5m; 68,0m; 68,5m; 69,0m; 69,5m; 70,0m; 70,5m; 71,0m; 71,5m; 72,0m; 72,5m; 73,0m; 73,5m; 74,0m; 74,5m; 75,0m; 75,5m; 76,0m; 76,5m; 77,0m; 77,5m; 78,0m; 78,5m; 79,0m; 79,5m; 80,0m; 80,5m; 81,0m; 81,5m; 82,0m; 82,5m; 83,0m; 83,5m; 84,0m; 84,5m; 85,0m; 85,5m; 86,0m; 86,5m; 87,0m; 87,5m; 88,0m; 88,5m; 89,0m; 89,5m; 90,0m; 90,5m; 91,0m; 91,5m; 92,0m; 92,5m; 93,0m; 93,5m; 94,0m; 94,5m; 95,0m; 95,5m; 96,0m; 96,5m; 97,0m; 97,5m; 98,0m; 98,5m; 99,0m; 99,5m; 100,0m; 100,5m; 101,0m; 101,5m; 102,0m; 102,5m; 103,0m; 103,5m; 104,0m; 104,5m; 105,0m; 105,5m; 106,0m; 106,5m; 107,0m; 107,5m; 108,0m; 108,5m; 109,0m; 109,5m; 110,0m; 110,5m; 111,0m; 111,5m; 112,0m; 112,5m; 113,0m; 113,5m; 114,0m; 114,5m; 115,0m; 115,5m; 116,0m; 116,5m; 117,0m; 117,5m; 118,0m; 118,5m; 119,0m; 119,5m; 120,0m; 120,5m; 121,0m; 121,5m; 122,0m; 122,5m; 123,0m; 123,5m; 124,0m; 124,5m; 125,0m; 125,5m; 126,0m; 126,5m; 127,0m; 127,5m; 128,0m; 128,5m; 129,0m; 129,5m; 130,0m; 130,5m; 131,0m; 131,5m; 132,0m; 132,5m; 133,0m; 133,5m; 134,0m; 134,5m; 135,0m; 135,5m; 136,0m; 136,5m; 137,0m; 137,5m; 138,0m; 138,5m; 139,0m; 139,5m; 140,0m; 140,5m; 141,0m; 141,5m; 142,0m; 142,5m; 143,0m; 143,5m; 144,0m; 144,5m; 145,0m; 145,5m; 146,0m; 146,5m; 147,0m; 147,5m; 148,0m; 148,5m; 149,0m; 149,5m; 150,0m; 150,5m; 151,0m; 151,5m; 152,0m; 152,5m; 153,0m; 153,5m; 154,0m; 154,5m; 155,0m; 155,5m; 156,0m; 156,5m; 157,0m; 157,5m; 158,0m; 158,5m; 159,0m; 159,5m; 160,0m; 160,5m; 161,0m; 161,5m; 162,0m; 162,5m; 163,0m; 163,5m; 164,0m; 164,5m; 165,0m; 165,5m; 166,0m; 166,5m; 167,0m; 167,5m; 168,0m; 168,5m; 169,0m; 169,5m; 170,0m; 170,5m; 171,0m; 171,5m; 172,0m; 172,5m; 173,0m; 173,5m; 174,0m; 174,5m; 175,0m; 175,5m; 176,0m; 176,5m; 177,0m; 177,5m; 178,0m; 178,5m; 179,0m; 179,5m; 180,0m; 180,5m; 181,0m; 181,5m; 182,0m; 182,5m; 183,0m; 183,5m; 184,0m; 184,5m; 185,0m; 185,5m; 186,0m; 186,5m; 187,0m; 187,5m; 188,0m; 188,5m; 189,0m; 189,5m; 190,0m; 190,5m; 191,0m; 191,5m; 192,0m; 192,5m; 193,0m; 193,5m; 194,0m; 194,5m; 195,0m; 195,5m; 196,0m; 196,5m; 197,0m; 197,5m; 198,0m; 198,5m; 199,0m; 199,5m; 200,0m; 200,5m; 201,0m; 201,5m; 202,0m; 202,5m; 203,0m; 203,5m; 204,0m; 204,5m; 205,0m; 205,5m; 206,0m; 206,5m; 207,0m; 207,5m; 208,0m; 208,5m; 209,0m; 209,5m; 210,0m; 210,5m; 211,0m; 211,5m; 212,0m; 212,5m; 213,0m; 213,5m; 214,0m; 214,5m; 215,0m; 215,5m; 216,0m; 216,5m; 217,0m; 217,5m; 218,0m; 218,5m; 219,0m; 219,5m; 220,0m; 220,5m; 221,0m; 221,5m; 222,0m; 222,5m; 223,0m; 223,5m; 224,0m; 224,5m; 225,0m; 225,5m; 226,0m; 226,5m; 227,0m; 227,5m; 228,0m; 228,5m; 229,0m; 229,5m; 230,0m; 230,5m; 231,0m; 231,5m; 232,0m; 232,5m; 233,0m; 233,5m; 234,0m; 234,5m; 235,0m; 235,5m; 236,0m; 236,5m; 237,0m; 237,5m; 238,0m; 238,5m; 239,0m; 239,5m; 240,0m; 240,5m; 241,0m; 241,5m; 242,0m; 242,5m; 243,0m; 243,5m; 244,0m; 244,5m; 245,0m; 245,5m; 246,0m; 246,5m; 247,0m; 247,5m; 248,0m; 248,5m; 249,0m; 249,5m; 250,0m; 250,5m; 251,0m; 251,5m; 252,0m; 252,5m; 253,0m; 253,5m; 254,0m; 254,5m; 255,0m; 255,5m; 256,0m; 256,5m; 257,0m; 257,5m; 258,0m; 258,5m; 259,0m; 259,5m; 260,0m; 260,5m; 261,0m; 261,5m; 262,0m; 262,5m; 263,0m; 263,5m; 264,0m; 264,5m; 265,0m; 265,5m; 266,0m; 266,5m; 267,0m; 267,5m; 268,0m; 268,5m; 269,0m; 269,5m; 270,0m; 270,5m; 271,0m; 271,5m; 272,0m; 272,5m; 273,0m; 273,5m; 274,0m; 274,5m; 275,0m; 275,5m; 276,0m; 276,5m; 277,0m; 277,5m; 278,0m; 278,5m; 279,0m; 279,5m; 280,0m; 280,5m; 281,0m; 281,5m; 282,0m; 282,5m; 283,0m; 283,5m; 284,0m; 284,5m; 285,0m; 285,5m; 286,0m; 286,5m; 287,0m; 287,5m; 288,0m; 288,5m; 289,0m; 289,5m; 290,0m; 290,5m; 291,0m; 291,5m; 292,0m; 292,5m; 293,0m; 293,5m; 294,0m; 294,5m; 295,0m; 295,5m; 296,0m; 296,5m; 297,0m; 297,5m; 298,0m; 298,5m; 299,0m; 299,5m; 300,0m; 300,5m; 301,0m; 301,5m; 302,0m; 302,5m; 303,0m; 303,5m; 304,0m; 304,5m; 305,0m; 305,5m; 306,0m; 306,5m; 307,0m; 307,5m; 308,0m; 308,5m; 309,0m; 309,5m; 310,0m; 310,5m; 311,0m; 311,5m; 312,0m; 312,5m; 313,0m; 313,5m; 314,0m; 314,5m; 315,0m; 315,5m; 316,0m; 316,5m; 317,0m; 317,5m; 318,0m; 318,5m; 319,0m; 319,5m; 320,0m; 320,5m; 321,0m; 321,5m; 322,0m; 322,5m; 323,0m; 323,5m; 324,0m; 324,5m; 325,0m; 325,5m; 326,0m; 326,5m; 327,0m; 327,5m; 328,0m; 328,5m; 329,0m; 329,5m; 330,0m; 330,5m; 331,0m; 331,5m; 332,0m; 332,5m; 333,0m; 333,5m; 334,0m; 334,5m; 335,0m; 335,5m; 336,0m; 336,5m; 337,0m; 337,5m; 338,0m; 338,5m; 339,0m; 339,5m; 340,0m; 340,5m; 341,0m; 341,5m; 342,0m; 342,5m; 343,0m; 343,5m; 344,0m; 344,5m; 345,0m; 345,5m; 346,0m; 346,5m; 347,0m; 347,5m; 348,0m; 348,5m; 349,0m; 349,5m; 350,0m; 350,5m; 351,0m; 351,5m; 352,0m; 352,5m; 353,0m; 353,5m; 354,0m; 354,5m; 355,0m; 355,5m; 356,0m; 356,5m; 357,0m; 357,5m; 358,0m; 358,5m; 359,0m; 359,5m; 360,0m; 360,5m; 361,0m; 361,5m; 362,0m; 362,5m; 363,0m; 363,5m; 364,0m; 364,5m; 365,0m; 365,5m; 366,0m; 366,5m; 367,0m; 367,5m; 368,0m; 368,5m; 369,0m; 369,5m; 370,0m; 370,5m; 371,0m; 371,5m; 372,0m; 372,5m; 373,0m; 373,5m; 374,0m; 374,5m; 375,0m; 375,5m; 376,0m; 376,5m; 377,0m; 377,5m; 378,0m; 378,5m; 379,0m; 379,5m; 380,0m; 380,5m; 381,0m; 381,5m; 382,0m; 382,5m; 383,0m; 383,5m; 384,0m; 384,5m; 385,0m; 385,5m; 386,0m; 386,5m; 387,0m; 387,5m; 388,0m; 388,5m; 389,0m; 389,5m; 390,0m; 390,5m; 391,0m; 391,5m; 392,0m; 392,5m; 393,0m; 393,5m; 394,0m; 394,5m; 395,0m; 395,5m; 396,0m; 396,5m; 397,0m; 397,5m; 398,0m; 398,5m; 399,0m; 399,5m; 400,0m; 400,5m; 401,0m; 401,5m; 402,0m; 402,5m; 403,0m; 403,5m; 404,0m; 404,5m; 405,0m; 405,5m; 406,0m; 406,5m; 407,0m; 407,5m; 408,0m; 408,5m; 409,0m; 409,5m; 410,0m; 410,5m; 411,0m; 411,5m; 412,0m; 412,5m; 413,0m; 413,5m; 414,0m; 414,5m; 415,0m; 415,5m; 416,0m; 416,5m; 417,0m; 417,5m; 418,0m; 418,5m; 419,0m; 419,5m; 420,0m; 420,5m; 421,0m; 421,5m; 422,0m; 422,5m; 423,0m; 423,5m; 424,0m; 424,5m; 425,0m; 425,5m; 426,0m; 426,5m; 427,0m; 427,5m; 428,0m; 428,5m; 429,0m; 429,5m; 430,0m; 430,5m; 431,0m; 431,5m; 432,0m; 432,5m; 433,0m; 433,5m; 434,0m; 434,5m; 435,0m; 435,5m; 436,0m; 436,5m; 437,0m; 437,5m; 438,0m; 438,5m; 439,0m; 439,5m; 440,0m; 440,5m; 441,0m; 441,5m; 442,0m; 442,5m; 443,0m; 443,5m; 444,0m; 444,5m; 445,0m; 445,5m; 446,0m; 446,5m; 447,0m; 447,5m; 448,0m; 448,5m; 449,0m; 449,5m; 450,0m; 450,5m; 451,0m; 451,5m; 452,0m; 452,5m; 453,0m; 453,5m; 454,0m; 454,5m; 455,0m; 455,5m; 456,0m; 456,5m; 457,0m; 457,5m; 458,0m; 458,5m; 459,0m; 459,5m; 460,0m; 460,5m; 461,0m; 461,5m; 462,0m; 462,5m; 463,0m; 463,5m; 464,0m; 464,5m; 465,0m; 465,5m; 466,0m; 466,5m; 467,0m; 467,5m; 468,0m; 468,5m; 469,0m; 469,5m; 470,0m; 470,5m; 471,0m; 471,5m; 472,0m; 472,5m; 473,0m; 473,5m; 474,0m; 474,5m; 475,0m; 475,5m; 476,0m; 476,5m; 477,0m; 477,5m; 478,0m; 478,5m; 479,0m; 479,5m; 480,0m; 480,5m; 481,0m; 481,5m; 482,0m; 482,5m; 483,0m; 483,5m; 484,0m; 484,5m; 485,0m; 485,5m; 486,0m; 486,5m; 487,0m; 487,5m; 488,0m; 488,5m; 489,0m; 489,5m; 490,0m; 490,5m; 491,0m; 491,5m; 492,0m; 492,5m; 493,0m; 493,5m; 494,0m; 494,5m; 495,0m; 495,5m; 496,0m; 496,5m; 497,0m; 497,5m; 498,0m; 498,5m; 499,0m; 499,5m; 500,0m; 500,5m; 501,0m; 501,5m; 502,0m; 502,5m; 503,0m; 503,5m; 504,0m; 504,5m; 505,0m; 505,5m; 506,0m; 506,5m; 507,0m; 507,5m; 508,0m; 508,5m; 509,0m; 509,5m; 510,0m; 510,5m; 511,0m; 511,5m; 512,0m; 512,5m; 513,0m; 513,5m; 514,0m; 514,5m; 515,0m; 515,5m; 516,0m; 516,5m; 517,0m; 517,5m; 518,0m; 518,5m; 519,0m; 519,5m; 520,0m; 520,5m; 521,0m; 521,5m; 522,0m; 522,5m; 523,0m; 523,5m; 524,0m; 524,5m; 525,0m; 525,5m; 526,0m; 526,5m; 527,0m; 527,5m; 528,0m; 528,5m; 529,0m; 529,5m; 530,0m; 530,5m; 531,0m; 531,5m; 532,0m; 532,5m; 533,0m; 533,5m; 534,0m; 534,5m; 535,0m; 535,5m; 536,0m; 536,5m; 537,0m; 537,5m; 538,0m; 538,5m; 539,0m; 539,5m; 540,0m; 540,5m; 541,0m; 541,5m; 542,0m; 542,5m; 543,0m; 543,5m; 544,0m; 544,5m; 545,0m; 545,5m; 546,0m; 546,5m; 547,0m; 547,5m; 548,0m; 548,5m; 549,0m; 549,5m; 550,0m; 550,5m; 551,0m; 551,5m; 552,0m; 552,5m; 553,0m; 553,5m; 554,0m; 554,5m; 555,0m; 555,5m; 556,0m; 556,5m; 557,0m; 557,5m; 558,0m; 558,5m; 559,0m; 559,5m; 560,0m; 560,5m; 561,0m; 561,5m; 562,0m; 562,5m; 563,0m; 563,5m; 564,0m; 564,5m; 565,0m; 565,5m; 566,0m; 566,5m; 567,0m; 567,5m; 568,0m; 568,5m; 569,0m; 569,5m; 570,0m; 570,5m; 571,0m; 571,5m; 572,0m; 572,5m; 573,0m; 573,5m; 574,0m; 574,5m; 575,0m; 575,5m; 576,0m; 576,5m; 577,0m; 577,5m; 578,0m; 578,5m; 579,0m; 579,5m; 580,0m; 580,5m; 581,0m; 581,5m; 582,0m; 582,5m; 583,0m; 583,5m; 584,0m; 584,5m; 585,0m; 585,5m; 586,0m; 586,5m; 587,0m; 587,5m; 588,0m; 588,5m; 589,0m; 589,5m; 590,0m; 590,5m; 591,0m; 591,5m; 592,0m; 592,5m; 593,0m; 593,5m; 594,0m; 594,5m; 595,0m; 595,5m; 596,0m; 596,5m; 597,0m; 597,5m; 598,0m; 598,5m; 599,0m; 599,5m; 600,0m; 600,5m; 601,0m; 601,5m; 602,0m; 602,5m; 603,0m; 603,5m; 604,0m; 604,5m; 605,0m; 605,5m; 606,0m; 606,5m; 607,0m; 607,5m; 608,0m; 608,5m; 609,0m; 609,5m; 610,0m; 610,5m; 611,0m; 611,5m; 612,0m; 612,5m; 613,0m; 613,5m; 614,0m; 614,5m; 615,0m; 615,5m; 616,0m; 616,5m; 617,0m; 617,5m; 618,0m; 618,5m; 619,0m; 619,5m; 620,0m; 620,5m; 621,0m; 621,5m; 622,0m; 622,5m; 623,0m; 623,5m; 624,0m; 624,5m; 625,0m; 625,5m; 626,0m; 626,5m; 627,0m; 627,5m; 628,0m; 628,5m; 629,0m; 629,5m; 630,0m; 630,5m; 631,0m; 631,5m; 632,0m; 632,5m; 633,0m; 633,5m; 634,0m; 634,5m; 635,0m; 635,5m; 636,0m; 636,5m; 637,0m; 637,5m; 638,0m; 638,5m; 639,0m; 639,5m; 640,0m; 640,5m; 641,0m; 641,5m; 642,0m; 642,5m; 643,0m; 643,5m; 644,0m; 644,5m; 645,0m; 645,5m; 646,0m; 646,5m; 647,0m; 647,5m; 648,0m; 648,5m; 649,0m; 649,5m; 650,0m; 650,5m; 651,0m; 651,5m; 652,0m; 652,5m; 653,0m; 653,5m; 654,0m; 654,5m; 655,0m; 655,5m; 656,0m; 656,5m; 657,0m; 657,5m; 658,0m; 658,5m; 659,0m; 659,5m; 660,0m; 660,5m; 661,0m; 661,5m; 662,0m; 662,5m; 663,0m; 663,5m; 664,0m; 664,5m; 665,0m; 665,5m; 666,0m; 666,5m; 667,0m; 667,5m; 668,0m; 668,5m; 669,0m; 669,5m; 670,0m; 670,5m; 671,0m; 671,5m; 672,0m; 672,5m; 673,0m; 673,5m; 674,0m; 674,5m; 675,0m; 675,5m; 676,0m; 676,5m; 677,0m; 677,5m; 678,0m; 678,5m; 679,0m; 679,5m; 680,0m; 680,5m; 681,0m; 681,5m; 682,0m; 682,5m; 683,0m; 683,5m; 684,0m; 684,5m; 685,0m; 685,5m; 686,0m; 686,5m; 687,0m; 687,5m; 688,0m; 688,5m; 689,0m; 689,5m; 690,0m; 690,5m; 691,0m; 691,5m; 692,0m; 692,5m; 693,0m; 693,5m; 694,0m; 694,5m; 695,0m; 695,5m; 696,0m; 696,5m; 697,0m; 697,5m; 698,0m; 698,5m; 699,0m; 699,5m; 700,0m; 700,5m; 701,0m; 701,5m; 702,0m; 702,5m; 703,0m; 703,5m; 704,0m; 704,5m; 705,0m; 705,5m; 706,0m; 706,5m; 707,0m; 707,5m; 708,0m; 708,5m; 709,0m; 709,5m; 710,0m; 710,5m; 711,0m; 711,5m; 712,0m; 712,5m; 713,0m; 713,5m; 714,0m; 714,5m; 715,0m; 715,5m; 716,0m; 716,5m; 717,0m; 717,5m; 718,0m; 718,5m; 719,0m; 719,5m; 720,0m; 720,5m; 721,0m; 721,5m; 722,0m; 722,5m; 723,0m; 723,5m; 724,0m; 724,5m; 725,0m; 725,5m; 726,0m; 726,5m; 727,0m; 727,5m; 728,0m; 728,5m; 729,0m; 729,5m; 730,0m; 730,5m; 731,0m; 731,5m; 732,0m; 732,5m;

📌 **Đường nội bộ trong các khu:**

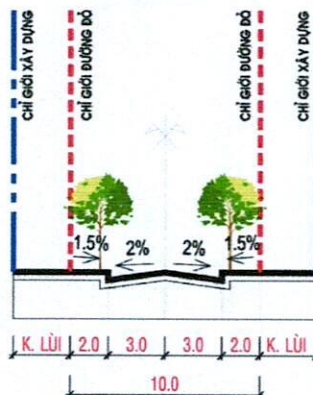
MẶT CẮT 2A-2A

(TL 1/250)



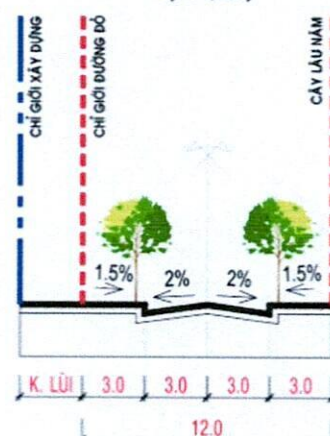
MẶT CẮT 2-2

(TL 1/250)



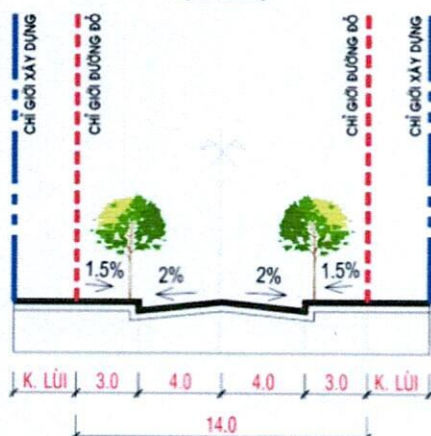
MẶT CẮT 2B-2B

(TL 1/250)



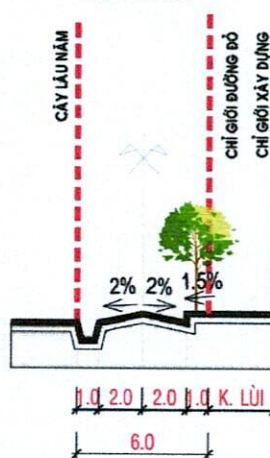
MẶT CẮT 3-3

(TL 1/250)



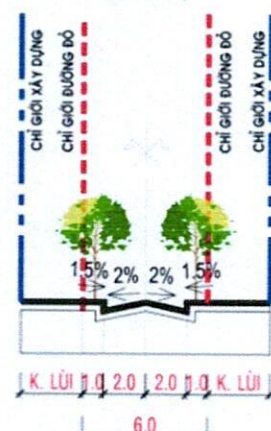
MẶT CẮT 5A-5A

(TL 1/250)



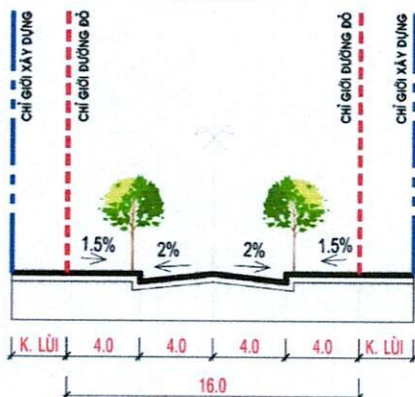
MẶT CẮT 5-5

(TL 1/250)



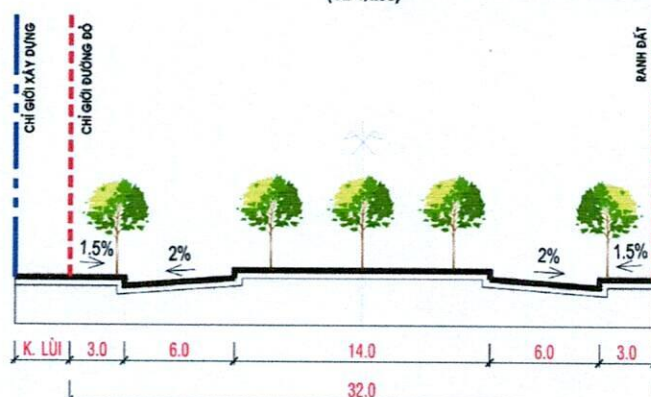
MẶT CẮT 4-4

(TL 1/250)



MẶT CẮT 6-6

(TL 1/250)



- Chiều rộng mặt đường: 4,0-8,0m; lề đường 1-3m.

4. Đường nổi hồ trong các khu



- Chiều rộng mặt đường 4-6-8,0m; là đường 1-3m

- Kết cấu mặt đường: Đường bê tông xi măng hoặc nhựa hóa. Sạch và không lầy lội, giao thông thuận tiện, đảm bảo đi lại vào mùa mưa.

2. Quản lý chất thải rắn và vệ sinh môi trường:

- Phải xây dựng nhà xí hợp vệ sinh, không xả phân trực tiếp xuống hồ, ao.

- Chuồng trại chăn nuôi gia súc phải cách nhà ở và đường đi chung ít nhất 5,0m và có cây xanh che chắn. Phân, nước tiểu từ chuồng, trại chăn nuôi phải được thu gom và có giải pháp xử lý phù hợp (chôn lấp hoặc ủ kín).

- Chất thải rắn từ hộ gia đình phải được phân loại, thu gom và xử lý:

- Chất thải hữu cơ: dùng cho chăn nuôi gia súc; xử lý bằng cách chôn lấp cùng với phân gia súc trong đất ruộng, vườn để làm phân bón cho nông nghiệp;

- Chất thải vô cơ: xử lý tập trung (tái chế, chôn lấp, xử lý...).

+ Phương án thu gom vận chuyển: Được thu gom tập trung tại các điểm theo quy định và được vận chuyển bằng xe về bãi rác của thị xã.

+ Về cấp nước: Khu vực bảo vệ của điểm lấy nước, công trình cấp nước cho xã quy định theo bảng sau:

Bảng: Khu vực bảo vệ của điểm lấy nước, công trình cấp nước.

Khu vực bảo vệ	Kích thước khu vực bảo vệ cấp I (m)	Kích thước khu vực bảo vệ cấp II (m)
Nguồn nước mặt, từ điểm lấy nước: - Ngược theo chiều dòng chảy - Xuôi theo chiều dòng chảy - Trường hợp không xác định được chiều dòng chảy, hoặc không có dòng chảy.	≥ 200 ≥ 100 ≥ 200	$\geq 1\ 000$ ≥ 250 $\geq 1\ 000$
Nguồn nước ngầm: quanh giếng khoan với bán kính	≥ 25	-
Hồ chứa, đập nước chuyên dùng để cấp nước sinh hoạt, từ mép hồ: - Bờ hồ bằng phẳng - Bờ hồ dốc	≥ 100 ≥ 300	Toàn lưu vực Toàn lưu vực
Nhà máy nước, trạm cấp nước, từ chân tường công trình xử lý:	≥ 30	-
Đường ống cấp nước, từ mép ngoài đường ống: - Kích thước 300 mm đến < 1 000 mm		≥ 7

- Két cấu kiện chống: Dùng để ngăn xi măng hoặc nhựa hồ. Nên xi không tẩy tẩy.
- Giao thông thuận tiện, đảm bảo đi lại và vận chuyển.
- 2. Quan lý chất thải rắn và vệ sinh môi trường:
 - Nhà xây dựng nhà xi hợp vệ sinh, không xả phân trực tiếp xuống hồ, ao.
 - Không tưới phân nước gia súc phân cho nhà xi và thường đi chung ít nhất 2 lần và có cây xanh che chắn, phân, nước tưới thường tưới phân nước phải được thu gom và có giải pháp xử lý phân hợp (chôn lấp hoặc ủ kín).
 - Chất thải rắn từ hộ gia đình phải được phân loại thu gom và xử lý:
 - Chất thải hữu cơ dùng cho chăn nuôi gia súc xử lý bằng cách chôn lấp cùng với phân gia súc trong đất ruộng, won để làm phân bón cho nông nghiệp.
 - Chất thải vô cơ xử lý tập trung (chôn lấp, xử lý...).
 - + Phương án thu gom vận chuyển: Phải thu gom tập trung tại các điểm theo quy định và được vận chuyển bằng xe vệ sinh có giấy xác.
 - Vệ cấp nước: Khu vực bảo vệ của điểm lấy nước, công trình cấp nước cho xi duy định theo bảng sau:

Bảng: Khu vực bảo vệ của điểm lấy nước, công trình cấp nước.

Khu vực bảo vệ	Khu vực bảo vệ cấp I (m)	Khu vực bảo vệ cấp II (m)	Kích thước khu
Nguồn nước mặt, tại điểm lấy nước:			
- Nguồn theo chiều dòng chảy	≤ 200	≤ 1.000	
- Xuôi theo chiều dòng chảy	≤ 100	≤ 250	
- Trường hợp không xác định được chiều dòng chảy, hoặc không có dòng chảy	≤ 200	≤ 1.000	
Nguồn nước ngầm quanh giếng khoan với bán kính	≤ 25		
Hồ chứa, đập nước chứa nước cấp nước sinh hoạt và tưới tiêu			
- Hồ chứa thủy điện	≥ 300		Tổng lưu vực
- Hồ chứa thủy lợi	≥ 100		Tổng lưu vực
Nhà máy nước, trạm cấp nước, bể chứa nước	≤ 30		
Công trình xử lý:			
- Khu vực cấp nước từ một nguồn chung công:			
- Kích thước 300 mm đến 1.000 mm			≥ 7

- Kích thước $\geq 1\,000\text{ mm}$	-	≥ 15
--------------------------------------	---	-----------

CHÚ THÍCH 1 Trong khu vực bảo vệ cấp I nghiêm cấm các hoạt động sau: xây dựng công trình nhà ở; xả nước thải, CTR, chăn nuôi, chăn thả gia súc, gia cầm, nuôi trồng, đánh bắt thủy sản, khai thác khoáng sản; sử dụng hóa chất độc, phân hữu cơ và phân khoáng để bón cây;

CHÚ THÍCH 2: Trong khu vực bảo vệ cấp II, nước thải, chất thải từ các hoạt động sinh hoạt, dịch vụ và sản xuất phải được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn về môi trường.

- Về thoát nước thải sinh hoạt theo bảng sau:

Bảng: Khoảng cách an toàn vệ sinh môi trường tối thiểu.

TT	Loại công trình	Khoảng cách ATVMT tối thiểu (m) ứng với công suất (m ³ /ngày)			
		< 200 (m ³ / ngày)	200 - 5.000 (m ³ /ngày)	5.000 – 50.000 (m ³ /ngày)	>50.000 (m ³ /ngày)
1	Trạm bơm nước thải	15	20	25	30
2	Trạm làm sạch nước thải:				
a	Làm sạch cơ học, có sân phơi bùn	100	200	300	400
b	Làm sạch sinh học nhân tạo, có sân phơi bùn	100	150	300	400
c	Làm sạch sinh học không có sân phơi bùn, có máy làm khô bùn, có thiết bị xử lý mùi hôi, xây dựng kín	10	15	30	40
d	Khu đất để lọc ngầm nước thải	100	150	300	500
e	Khu đất tưới cây xanh, nông nghiệp	50	200	400	1000
f	Hồ sinh học	50	200		
g	Mương ô xy hóa	50	150		

- Về nghĩa trang theo bảng sau:

Bảng: Khoảng cách an toàn vệ sinh môi trường nghĩa trang.

Đối tượng cách ly	Khoảng cách tối thiểu (m) với đối tượng cách ly			
	Nghĩa trang hung táng	Nghĩa trang chôn 1 lần	Nghĩa trang cát táng	Công trình chứa lò hỏa táng, lưu chứa thi hài trước khi hỏa táng

Công trình nhà ở tại đô thị và điểm dân cư nông thôn	1.000	500	100	500
Điểm lấy nước phục vụ nhu cầu sinh hoạt	1.500	1.000		

CHƯƠNG III: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Phòng Kinh tế hạ tầng Tài nguyên và Môi trường huyện phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc huyện và các tổ chức có liên quan hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thi hành Quy định này, việc điều chỉnh, bổ sung hoặc thay đổi những nội dung tại quy định này phải được UBND huyện cho phép. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh về Phòng Kinh tế hạ tầng Tài nguyên và Môi trường huyện Kiên Hải để được hướng dẫn, giải quyết theo quy định.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Quốc Tuấn

Đóng tiền thuế ở	1.000	500	100	500
Lại để lại và được				
Đưa về nông thôn				
Điểm tập nước				
phục vụ nhà cửa	1.500	1.000		
sinh hoạt				

CHƯƠNG II: ĐIỀU KHOẢN THỰC HÀNH

Phòng Kinh tế và Tài chính và Môi trường huyện phải hợp với các cơ quan chức năng liên quan để thực hiện và các tổ chức có liên quan hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy định này, việc điều chỉnh, bổ sung hoặc thay đổi những nội dung tại quy định này phải được UBND huyện cho phép. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc để nghị phân cấp và Phòng Kinh tế và Tài chính và Môi trường huyện kiến nghị để được hướng dẫn, giải quyết theo quy định.

T.M. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Nguyễn Quốc Tuấn